

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 42-TC/CSTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 1996

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn chế độ quản lý tài
chính đối với ngân hàng phục vụ người nghèo**

Căn cứ Quyết định số 525/TTg ngày 31 tháng 8 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ, về việc thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước được Chủ tịch nước công bố tại Công lệnh số 39/L-CTN ngày 30 tháng 4 năm 1995.

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính ngày 23 tháng 5 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng phục vụ người nghèo đã được Chính phủ thông qua tại công văn số 361/KTTH ngày 22 tháng 1 năm 1996.

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng phục vụ người nghèo như sau:

I. NỘI DUNG CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI

CHÍNH ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG PHỤC VỤ NGƯỜI NGHÈO

Ngân hàng phục vụ người nghèo là tổ chức tín dụng Nhà nước, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình trước pháp luật, thực hiện bảo tồn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí hoạt động và rủi ro nghiệp vụ.

Hoạt động của Ngân hàng phục vụ người nghèo mang tính chất đặc thù vì mục tiêu xoá đói giảm nghèo, không vì mục đích lợi nhuận, cho nên được áp dụng cơ chế quản lý tài chính riêng biệt.

1. Quản lý vốn và bảo tồn vốn

Ngân hàng phục vụ người nghèo được Nhà nước cấp vốn pháp định, tiếp nhận vốn tín dụng của Nhà nước dành cho người nghèo và các nguồn vốn khác được Nhà nước cho phép, được huy động vốn của các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước để lập quỹ cho vay phục vụ người nghèo vì mục tiêu xoá đói giảm nghèo. Ngân hàng phục vụ người nghèo được bổ sung tăng vốn điều lệ tùy theo quy mô hoạt động và có trách nhiệm bảo tồn các loại vốn trên cơ sở đảm bảo cho vay có hiệu quả và không làm mất vốn.

**1.1. Vốn Nhà nước giao cho Ngân hàng phục vụ người nghèo quản lý,
sử dụng và bảo tồn:**

a. Vốn Ngân sách Nhà nước: Bao gồm vốn điều lệ được cấp; vốn chuyển từ Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng ngoại thương, Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam theo quyết định của Chính phủ; vốn tín dụng Nhà nước đối với người nghèo từ Ngân sách Nhà nước chuyển sang; vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Vốn được quyên tặng, viện trợ không hoàn lại;

b. Vốn tự bổ sung theo quy định: Gồm các loại vốn do Ngân hàng tự tích lũy bổ sung từ lợi nhuận hoặc có nguồn gốc từ lợi nhuận để lại theo chế độ quy định (như quỹ dự phòng bù đắp rủi ro, quỹ phát triển kỹ thuật nghiệp vụ, khấu hao cơ bản thuộc nguồn vốn tự bổ sung để lại...)

1.2. Vốn huy động và vốn vay:

Ngoài nguồn vốn Nhà nước đầu tư và các nguồn vốn vay khác, Ngân hàng phục vụ người nghèo được quyền huy động vốn trong nước và ngoài nước của mọi tổ chức và các tầng lớp dân cư để cho người nghèo vay dưới các hình thức như đã quy định trong Điều 7 của Điều lệ Ngân hàng phục vụ người nghèo.

1.3. Trách nhiệm bảo tồn và phát triển vốn của Ngân hàng phục vụ người nghèo:

Toàn bộ số vốn được Ngân sách Nhà nước cấp phát và vốn huy động Ngân hàng phục vụ người nghèo phải sử dụng vào việc cho vay đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và đảm bảo không làm mất vốn.

a. Đối với vốn Ngân sách Nhà nước cấp:

Toàn bộ vốn Ngân sách Nhà nước cấp, vốn chuyển sang từ Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam, vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đều phải tính chung vào vốn Nhà nước giao, Ngân hàng phục vụ người nghèo phải có trách nhiệm bảo tồn theo giá trị hạch toán ban đầu.

b. Đối với vốn huy động:

Ngân hàng phục vụ người nghèo phải thực hiện nghĩa vụ của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc huy động vốn, đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn huy động, thực hiện việc hoàn giả vốn và lãi đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng.

c. Đối với vốn tự bổ sung:

Ngân hàng phục vụ người nghèo có trách nhiệm tự bảo toàn vốn theo giá trị hạch toán ban đầu. Ngân hàng phục vụ người nghèo được tự chủ trong việc sử dụng vốn tự bổ sung vào các mục đích theo chức năng của mình nhưng không được sử dụng vào việc xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi, các phương tiện, đồ dùng sinh hoạt phục vụ đời sống.

d. Hàng năm, Bộ Tài chính cùng với Ngân hàng phục vụ người nghèo xác định lại số vốn của Ngân hàng phải bảo tồn đến thời điểm 31-12. Số liệu này được dùng làm căn cứ duyệt quyết toán số vốn bảo tồn và làm cơ sở kiểm tra mức độ bảo tồn vốn trong năm tiếp theo.

Tổng giám đốc Ngân hàng phục vụ người nghèo chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong việc quản lý và sử dụng vốn. Mọi tổn thất thiếu hụt vốn trong từng trường hợp sẽ xử lý theo quy định của Nhà nước.

Ngân hàng phục vụ người nghèo chịu sự quản lý kiểm tra của các cơ quan tài chính trong quá trình thực hiện chức năng huy động, quản lý, cho vay vốn đối với các hộ gia đình nghèo.

1.4. Nguyên tắc sử dụng vốn và tài sản:

- Toàn bộ số vốn và tài sản của Ngân hàng phục vụ người nghèo phải được sử dụng theo đúng Quyết định số 525/TTg ngày 31 tháng 8 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ. Ngân hàng không được sử dụng vốn vào việc liên doanh liên kết dưới mọi hình thức, đầu tư mua cổ phần, kinh doanh hối đoái, chứng khoán trong nước và ngoài nước.

2. Quản lý tài chính "Thu nhập - chi phí" đối với Ngân hàng phục vụ người nghèo

2.1. Thu nhập của Ngân hàng phục vụ người nghèo bao gồm:

Thu lãi tiền cho vay, thu lãi tiền gửi.

Thu phí, hoa hồng về các nghiệp vụ làm dịch vụ uỷ thác đầu tư theo các dự án tài trợ có chỉ định của các tổ chức trong và ngoài nước đối với người nghèo.

Các khoản thu khác trong hoạt động kinh doanh theo chế độ quy định.

2.2. Chi phí hoạt động của Ngân hàng phục vụ người nghèo:

a. Chi phí phục vụ kinh doanh bao gồm:

Chi trả lãi tiền gửi của các tổ chức kinh tế, trả lãi huy động tiết kiệm của dân cư và lãi huy động từ các nguồn khác.

Chi phí trả cho ngân hàng nông nghiệp Việt Nam: Chi phí trả cho Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam được xác định trên cơ sở các chi phí có liên quan tới việc tổ chức cho vay và thu nợ, phần tiền lương cho cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm ở các cấp của Ngân hàng nông nghiệp tương ứng với doanh số hoạt động đảm nhiệm cho Ngân hàng phục vụ người nghèo. Việc chi trả phí cho Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch hội đồng Quản trị Ngân hàng phục vụ người nghèo sau khi đã thoả thuận với Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam và có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính.

Trả lãi tiền vay từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

Các loại chi phí khác về nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của Nhà nước.

b. Tiền lương:

Chi tiền lương và phụ cấp lương cho cán bộ thuộc nội bộ Ngân hàng phục vụ người nghèo: cơ chế trả lương, phụ cấp... trong nội bộ Ngân hàng phục vụ người nghèo do Hội đồng quản trị Ngân hàng phục vụ người nghèo quyết định trên cơ sở đơn giá tiền lương đã được xây dựng theo các thông số tiền lương do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố và hướng dẫn. Khoản tiền lương này được hạch toán vào chi phí chung của Ngân hàng phục vụ người nghèo.

Chi tiền lương và phụ cấp lương cho cán bộ và nhân viên thuộc trung tâm điều hành tác nghiệp trung ương và Trung tâm điều hành tác nghiệp tỉnh, thành phố, huyện thị xã: cán bộ và nhân viên Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam làm việc kiêm nhiệm và chuyên trách cho Ngân hàng phục vụ người nghèo sẽ được Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam trả lương, trả thưởng, và các khoản phụ cấp khác theo chế độ chung của Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam. Khoản này không được hạch toán vào chi phí của Ngân hàng phục vụ người nghèo.

c. Chi phí quản lý bao gồm:

Chi tiền lương, phụ cấp lương của nội bộ Ngân hàng phục vụ người nghèo (nêu tại tiết b trên).

Các khoản chi về bảo hiểm xã hội, y tế, vệ sinh.

Chi bảo hộ lao động với những đối tượng được trang cấp bảo hộ lao động theo định mức quy định của Nhà nước.

Chi trang phục giao dịch cho công chức Ngân hàng phục vụ người nghèo áp dụng như các Ngân hàng thương mại quốc doanh.

Chi công tác phí theo quy định của Nhà nước.

Chi khấu hao cơ bản tài sản cố định theo quy định Nhà nước. - Chi mua công cụ lao động cần thiết cho hoạt động kinh doanh.

Chi về giấy tờ in ấn, vật liệu văn phòng, vận chuyển bốc xếp, chi huấn luyện nghiệp vụ ngắn hạn, chi cước phí bưu điện, thông tin liên lạc, chi nghiên cứu khoa học, tuyên truyền quảng cáo.

Chi bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, sửa chữa hệ thống bảo vệ, bảo quản kho tiền... (không thuộc nguồn vốn khấu hao sửa chữa lớn và nguồn vốn xây dựng cơ bản) theo thực tế phát sinh nhưng mức chi phí không vượt quá 10% tính trên tổng giá trị Tài sản cố định bình quân năm.

Các khoản chi phí khác như tiếp khách, hội họp, giao dịch... các khoản chi phí này phải chi đúng chế độ, có hoá đơn, chứng từ hợp pháp, chỉ được quyết toán theo thực chi hoặc định mức chi Nhà nước khống chế.

2.3. Quản lý tài chính đối với thu nhập và chi phí của Ngân hàng phục vụ người nghèo.

Ngân hàng phục vụ người nghèo không được hạch toán vào chi phí mà phải dùng nguồn vốn tương ứng để trang trải theo quy định đối với các khoản sau:

- + Tiền phạt phải nộp vào Ngân sách Nhà nước do vi phạm nghĩa vụ thu nộp Ngân sách Nhà nước và chế độ báo cáo thống kê - kế toán. Các khoản tiền phạt phải trả khách hàng về những thiệt hại vật chất và các khoản tiền phạt phải trả khác do chủ quan Ngân hàng phục vụ người nghèo gây ra và các khoản tiền phạt vi phạm hành chính khác.
- + Các khoản mất mát, tổn thất tài sản Nhà nước do cá nhân, tập thể Ngân hàng phục vụ người nghèo gây ra.
- + Các khoản mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn xây dựng cơ bản.
- + Các khoản chi do nguồn vốn khác đài thọ (bù đắp rủi ro trong kinh doanh...)
- + Các khoản thiệt hại được Chính phủ trợ cấp hoặc được bên gây thiệt hại, các công ty bảo hiểm bồi thường.
- + Các khoản chi cho tổ chức Đảng, đoàn thể và đóng góp tự nguyện khác.

Toàn bộ các khoản chi nêu trên nếu có phát sinh, Ngân hàng phục vụ người nghèo phải sử dụng đúng nguồn để bù đắp; Trường hợp thiếu nguồn bù đắp thì phải tính trừ tiếp vào phần lợi nhuận để lại Ngân hàng (lợi nhuận sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ).

Hàng năm cùng với việc xây dựng kế hoạch tài chính năm, Ngân hàng phục vụ người nghèo có trách nhiệm xây dựng các định mức chi tiêu bao gồm: